TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 18** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 31-3-2026.
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Minh Đạo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Đặng.

2. Bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thọ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 401/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Trúc L, sinh năm 1980; đăng ký thường trú: Tổ D, ấp D, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Bà Lê Thị Anh T, sinh năm 1982; đăng ký thường trú: Ấp T, xã M, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/9/2025 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Trúc L trình bày:

Ông Nguyễn Trúc L và bà Lê Thị Anh T tự nguyện chung sống với nhau, sau đó kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay xã T, Thành phố Hồ Chí Minh), (GCNKH số 35 ngày 17/7/2024). Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, không còn yêu thương, chăm sóc lẫn nhau do bất đồng quan điểm và mâu thuẫn trong cuộc sống. Hiện nay, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hạnh phúc vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị Anh T.

Về con chung: Ông Nguyễn Trúc L và bà Lê Thị Anh T có 01 con chung tên Nguyễn Thiên L1, sinh ngày 23/8/2024. Khi ly hôn, ông L yêu cầu được trực tiếp nuôi

dưỡng, chăm sóc con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không tranh chấp, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 31/10/2025 và trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn bà Lê Thị Anh T trình bày:

Bà Lê Thị Anh T đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Trúc L.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thiên L1, sinh ngày 23/8/2024, bà T đồng ý giao con chung cho ông L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyéết

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Vụ án thụ lý đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng, đầy đủ các thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vắng mặt là phù hợp. Đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị khắc phục vi phạm về tố tụng.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Trúc L khởi kiện bà Lê Thị Anh T yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con; bị đơn có nơi cư trú tại xã M, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Do các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trúc L và bà Lê Thị Anh T chung sống có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông L và bà T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có sự yêu thương tôn trọng lẫn nhau. Các đương sự đều thống nhất ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2] Về con chung: Ông Nguyễn Trúc L và bà Lê Thị Anh T có 01 con chung tên Nguyễn Thiên L1, sinh ngày 23/8/2024. Khi ly hôn, ông L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Vấn đề cấp dưỡng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Bà Lê Thị Anh T có văn bản đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, việc giao con chung cho ông L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cũng phù hợp với điều kiện sinh hoạt, học tập của cháu. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 84, Điều 107, Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trúc L đối với bị đơn bà Lê Thị Anh T về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Trúc L được ly hôn với bà Lê Thị Anh T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thiên L1, sinh ngày 23/8/2024 cho ông Nguyễn Trúc L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì quyền lợi hợp pháp của con. Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung, quyền và nghĩa vụ dân sự khác của vợ chồng: Các đương sự không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Trúc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0020108 ngày 26/9/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tống đạt hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Trừ Văn Thố, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cổng Thông tin điện tử của Tòa án (nếu có);

- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Minh Đạo